

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ T  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 -12-2021

*“V/v ly hôn giữa  
Bà Tr và ông H”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Ông Huỳnh Văn Sức.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Minh Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/04/2021 về tranh chấp *“Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh năm 1992.

HKTT: Tổ 6, ấp Hiệp Th, xã Hiệp X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Hiện trú tại: Tổ 1, ấp Hiệp Th, xã Hiệp X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1992.

Trú tại: Tổ 6, ấp Hiệp Th, xã Hiệp X, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 19/4/2021 nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kiều Tr trình bày:*

Bà Tr và ông H sau thời gian tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2013, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Xương năm 2013. Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 09 tháng 12 năm 2013, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau do ông H không quan tâm chăm sóc vợ con, chỉ lo ăn chơi cờ bạc, gây nợ nần, tiền làm ra bao nhiêu cũng tiêu xài cá nhân, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do một mình Bà Tr lo liệu, vợ chồng vì thế hay cãi nhau. Tháng 12/2018 Bà Tr bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân ông H không tới lui thăm hỏi vợ con. Nay nhận thấy tình cảm không còn Bà Tr yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Tr trình bày vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Phúc V, sinh ngày 11/10/2014. Con chung hiện đang sống với Bà Tr, khi ly hôn Bà Tr yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngày 28/10/2021 bà Trần Thị Mỹ Hạnh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ông Nguyễn Trung H vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên không có ý kiến trình bày.

*Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân* được bà Nguyễn Thị Cẩm Nguyên – Phó ấp Hiệp Thạnh, xã Hiệp Xương cho biết Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1992 hiện còn sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Hiệp Th, xã Hiệp X, huyện Phú T, tỉnh An Giang. Ông H đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng có về nhà, tình trạng hôn nhân của Tr và H thì địa phương không rõ do sinh sống ở nơi khác, lâu lâu mới về quê. Trong quá trình chung sống thì được biết Bà Tr và ông H có một người con chung, hiện đang sống với Bà Tr. Tài sản chung, nợ chung thì địa phương không rõ.

*Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, Tuy nhiên ông H vắng mặt từ khi được thông báo các văn bản tố tụng, nhưng ông không có mặt là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân của Bà Tr và ông H được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân, từ khi ly thân đến nay không

hàn gắn được. Nên yêu cầu ly hôn của Bà Tr là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về con chung: Hiện tại đang sống với Bà Tr, Bà Tr yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Đề nghị HĐXX giao con chung cho Bà Tr tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, Nợ chung: Không có.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Kiều Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Ông Nguyễn Trung H được tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông, bà không có mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt ông, bà theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hiện tại ông H có nơi cư trú tại ấp Hiệp Th, xã Hiệp X, huyện Phú T, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân của Bà Tr và ông H được xác lập năm 2013 trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Xét về yêu cầu ly hôn, thấy rằng: Trong thời gian chung sống vợ chồng Bà Tr, ông H có nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cãi vã, ông H không quan tâm chăm sóc vợ con, chỉ lo ăn chơi cờ bạc gây nợ nần, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do một mình Bà Tr lo liệu, vợ chồng vì thế hay cãi nhau, Bà Tr đã cố gắng sống vì con và cũng cho cơ hội để ông H sửa đổi nhưng ông H vẫn không thay đổi. Tháng 12/2018 Bà Tr bỏ nhà đi, vợ chồng ly thân.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Thế nhưng vợ chồng Bà Tr, ông H không còn chung sống khoảng hơn 03 năm nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn

nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho Bà Tr được ly hôn ông H.

[3] Về con chung: Bà Tr trình bày vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Phúc V, sinh ngày 11/10/2014, con chung chưa thành niên con chung lại có nguyện vọng sống chung với Bà Tr, khi ly hôn Bà Tr yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy từ khi ly thân đến nay cháu Vinh sống với Bà Tr, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu Vinh cho Bà Tr nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ông H không ý kiến trình bày, không yêu cầu nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Bà Tr trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Bà Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

-Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Bà Nguyễn Thị Kiều Tr được ly hôn với Ông Nguyễn Trung H.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều Tr được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Nguyễn Phúc V, sinh ngày 11/10/2014. Con chung hiện đang sống với Bà Tr.

Ông Nguyễn Trung H không phải cấp dưỡng cho con.

Việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chưa thành niên không cố định

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không.

Nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002491 ngày 26/04/2021 của Chi cục Thi hành án huyện Phú T, tỉnh An Giang. Bà Tr không phải nộp thêm án phí.

Ông Nguyễn Trung H không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Tr, ông H vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày tính từ ngày ông, bà nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T;
- Ủy ban nhân dân xã Hiệp Xương;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Ngọc Thảo**

